

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 101b/QĐ-ĐHNT ngày 09 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Trãi)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**
Tên tiếng Anh: **BACHELOR DEGREE IN GRAPHIC DESIGN**
Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**
Ngành đào tạo: **THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**
Mã ngành đào tạo: **7210403**
Hình thức đào tạo: **CHÍNH QUY**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo cử nhân Thiết kế đồ họa có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực thiết kế đồ họa, nắm vững những kiến thức chuyên ngành, hiểu được các nguyên lý, nguyên tắc và qui trình thiết kế các sản phẩm đồ họa, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật cao và có tinh thần phục vụ vì cộng đồng.

- Sinh viên tốt nghiệp đảm bảo đạt chuẩn giá trị về Kiến thức – Kỹ năng – Thái độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Sinh viên được trang bị đầy đủ hệ thống kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, những nguyên lý nền tảng thẩm mỹ cơ sở mỹ thuật và thiết kế chuyên sâu của ngành, ngoại ngữ, kỹ thuật và công nghệ thông tin cần thiết phục vụ quá trình sáng tạo, thiết kế sản phẩm thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng nói chung và thiết kế Đồ họa nói riêng.

1.2.2. Về kỹ năng

Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch, phác họa ý tưởng, thiết kế và thể hiện các sản phẩm thuộc lĩnh vực đồ họa ấn loát và đồ họa truyền thông đa phương tiện; kỹ năng thuyết trình và đàm phán; kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và các kỹ năng mềm...

1.2.3. Về thái độ

- Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có nếp sống văn minh lành mạnh, say mê nghề nghiệp, có kiến thức về pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc luật bản quyền và sở hữu trí tuệ, nắm vững đường lối văn hóa – văn nghệ của Đảng Công sản Việt Nam.

1.2.4. Vị trí nghề nghiệp

- Cử nhân chuyên ngành Thiết kế đồ họa tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực thiết kế nội thất như thiết kế đồ họa, trang trí nội – ngoại thất các công trình, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Có khả năng tìm việc làm hoặc thành lập các doanh nghiệp trong lĩnh vực thiết kế đồ họa.

- Làm các công việc kỹ thuật, quản lý chất lượng, tại các sở sản xuất sản phẩm đồ họa.

- Làm việc ở các cơ quan quản lý có liên quan đến ngành mỹ thuật công nghiệp và văn hoá nói chung.

- Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về chuyên ngành mỹ thuật công nghiệp ở các Viện nghiên cứu, các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học và Cao đẳng.

- Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trong lĩnh vực mỹ thuật công nghiệp.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

- Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tốt 01 ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp và có khả năng giao tiếp cơ bản 01 ngoại ngữ thứ 2. Có 03 ngôn ngữ để sinh viên lựa chọn: Nhật, Hàn, Anh.

1.2.6. Trình độ tin học

- Khả năng tổ chức ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học và đồ họa trong công việc thiết kế.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn trong khung chương trình dành cho khối các ngành khoa học xã hội nhân văn và nghệ thuật.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về mỹ thuật tạo hình và kiến thức chuyên sâu về ngành Thiết kế đồ họa; Nắm vững ngôn ngữ tạo hình, quy trình, phương pháp sáng tác tác phẩm thiết kế đồ họa; nguyên lý, kỹ thuật, công nghệ và chất liệu thiết kế đồ họa để tư vấn, thiết kế trong ngành mỹ thuật công nghiệp và chuyên ngành thiết kế đồ họa.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề

a. Thiết kế đồ họa, đánh giá sản phẩm đồ họa, lý luận và phê bình nghệ thuật:

- Nắm vững kiến thức chuyên môn, quy trình và phương pháp luận để thiết kế sản phẩm đồ họa.

- Có trình độ kiến thức về lý luận và phê bình nghệ thuật để nhận xét đánh giá các tác phẩm đồ họa và vận dụng trong sáng tác đồ họa.

- Không ngừng đổi mới, sáng tạo và đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội

b. Tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành dự án

- Nắm vững kiến thức cơ bản về môi trường, công nghệ và kỹ thuật để có thể tham gia tổ chức sản xuất, quản lý, điều hành dự án các sản phẩm đồ họa.

c. Nghiên cứu khoa học và đào tạo

- Vận dụng phương pháp luận và khả năng tư duy, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp trong việc sản xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến thiết kế đồ họa

- Định hướng và bồi dưỡng cho một số sinh viên có trình độ chuyên môn nhất định để có thể tham gia giảng dạy trong các cơ sở đào tạo ngành mỹ thuật công nghiệp sau khi được bồi dưỡng về phương pháp dạy học.

d. Phân tích và xử lý thông tin

Có kỹ năng tra cứu, tìm kiếm thông tin chuyên ngành, phân tích và xử lý thông tin để thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình: Có những kỹ năng cơ bản về lập báo cáo bằng các phương tiện khác nhau, trình bày, giải thích và thuyết phục những nội dung, giải pháp thiết kế và giải pháp thực hiện các ý tưởng thiết kế đồ họa.

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: Biết cách làm việc hiệu quả trong các vai trò khác nhau, như tổ chức, quản lý nhóm để đạt kết quả theo nhóm biết khai thác, gắn kết những sở thích, môi trường sống và trình độ kỹ thuật chuyên môn khác nhau.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng tự chủ trong công việc và tự chịu trách nhiệm với cấp trên về kết quả công việc được giao.

- Đủ năng lực ứng dụng các kiến thức đạt được trong quá trình đào tạo vào lĩnh vực thiết kế mỹ thuật công nghiệp: Thiết kế các sản phẩm đồ họa trên cơ sở nắm vững ngôn ngữ tạo hình, quy trình, phương pháp sáng tác tác phẩm đồ họa; Nguyên lý, kỹ thuật, phương pháp và quy trình thiết kế đồ họa.

- Có đủ khả năng phân tích, xử lý kết quả thực nghiệm và áp dụng kết quả thực nghiệm trong thiết kế Mỹ thuật công nghiệp; nhận dạng, phân tích và giải quyết những vấn đề về mỹ thuật công nghiệp

- Có khả năng độc lập trong nghiên cứu, thể nghiệm các hình thức nghệ thuật và tìm tòi các kỹ thuật mới để thể hiện tác phẩm.

- Có khả năng tự học nâng cao và nghiên cứu thực nghiệm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 171 tín chỉ (TC), không bao gồm phần nội dung về Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (4.5 TC).

- Thời gian đào tạo: 5 năm

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ |
|----------------------------|---|-------------------|
| 1. | Kiến thức giáo dục đại cương | 53 |
| 1.1 | Lý luận chính trị | 11 |
| 1.2 | Pháp luật đại cương | 2 |
| 1.3 | Ngoại ngữ 1 | 27 |
| 1.4 | Ngoại ngữ 2 | 9 |
| 1.5 | Đại cương ngành | 4 |
| 2. | Kiến thức giáo dục chuyên ngành | 94 |
| 2.1 | Kiến thức mỹ thuật cơ sở | 27 |
| 2.2 | Kiến thức ngành | 67 |
| 2.2.1 | Kiến thức cơ sở của ngành | 19 |
| a) | Môn học bắt buộc | 17 |
| b) | Môn học tự chọn | 2 |
| | Kiến thức chuyên sâu của ngành | 48 |
| 2.2.2 | + Đồ họa in ấn (trên mặt phẳng) | 26 |
| | + Đồ họa Multimedia | 18 |
| | + Đồ họa QC tổng hợp theo chuyên đề | 04 |
| 3. | Thực tập tiền TN và đồ án tốt nghiệp | 15 |
| TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA | | 162 |

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp THPT, theo quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo đề án tự chủ tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2021 và các quy định hiện hành của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

6. Cách thức đánh giá

- Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để giảng viên cho điểm thành phần của mỗi học phần.

| Kết quả | Thang điểm 10 (điểm thành phần) | Thang điểm 4 | |
|-----------|---------------------------------|--------------|---------|
| | | Điểm chữ | Điểm số |
| Đạt | Từ 8,5 đến 10 | A | 4 |
| | Từ 7,0 đến 8,4 | B | 3 |
| | Từ 5,5 đến 6,9 | C | 2 |
| | Từ 4,0 đến 5,4 | D | 1 |
| Không đạt | Dưới 4,0 | F | 0 |

7. Nội dung chương trình

7.1 Nội dung chương trình phân theo khối kiến thức

| STT | Mã học phần | Học phần | Số tín chỉ | Khối lượng kiến thức | | | Môn học tiên quyết |
|------------|-------------|-------------------------------------|------------|----------------------|------------|-------------|--------------------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Tự học | |
| 1. | | Kiến thức giáo dục đại cương | 53 | 435 | 360 | 1590 | |
| 1.1 | | Lý luận chính trị | 11 | 165 | 0 | 330 | |
| 1 | POL 01 | Triết học Mác – Lê nin | 3 | 45 | | 90 | |
| 2 | POL 02 | Kinh tế chính trị Mác – Lê nin | 2 | 30 | | 60 | POL 01 |
| 3 | POL 03 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 30 | | 60 | POL 02 |
| 4 | POL 04 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 30 | | 60 | POL 03 |
| 5 | POL 05 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 2 | 30 | | 60 | POL 04 |
| 1.2 | | Ngoại ngữ 1 | 27 | 135 | 270 | 810 | |
| 6 | FL01-101 | Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1 | 3 | 15 | 30 | 90 | |
| 7 | FL01-102 | Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL01-101 |
| 8 | FL01-103 | Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1. | 3 | 15 | 30 | 90 | FL01-102 |
| 9 | FL01-201 | Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.1 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL01-103 |
| 10 | FL01-202 | Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.2 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL01-201 |
| 11 | FL01-203 | Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.3 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL01-202 |
| 12 | FL01-301 | Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.1 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL01-203 |
| 13 | FL01-302 | Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.2 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL01-301 |
| 14 | FL01-303 | Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.3 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL01-302 |
| 1.3 | | Ngoại ngữ 2 | 9 | 45 | 90 | 270 | |
| 15 | FL02-101 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.1 | 3 | 15 | 30 | 90 | |
| 16 | FL02-102 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.2 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL02-101 |
| 17 | FL02-103 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.3 | 3 | 15 | 30 | 90 | FL02-102 |

| | | | | | | | |
|--------------|--------|---|-----------|------------|-------------|-------------|--------|
| 1.4. | | <i>Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất</i> | 11 | 122 | 88 | 225 | |
| 18 | DET 01 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh | 8 | 77 | 88 | 135 | |
| 19 | PHT 01 | Giáo dục thể chất | 3 | 45 | | 90 | |
| 1.5 | | <i>Khoa học xã hội</i> | 2 | 30 | 0 | 60 | |
| 20 | LAW 05 | Pháp luật đại cương | 2 | 30 | | 60 | |
| 1.6 | | <i>Đại cương ngành</i> | 4 | 60 | 0 | 120 | |
| 21 | SOC 08 | Lịch sử KT, Mỹ thuật và MTUD | 2 | 30 | | 60 | |
| 22 | SOC 09 | Mỹ học đại cương | 2 | 30 | | 60 | |
| 2. | | <i>Kiến thức giáo dục chuyên ngành</i> | 94 | 375 | 1540 | 3830 | |
| 2.1 | | <i>Kiến thức cơ sở ngành</i> | 27 | 130 | 410 | 1080 | |
| 23 | INF 01 | Tin học chuyên ngành | 3 | 20 | 40 | 120 | |
| 24 | PRR 01 | Giải phẫu tạo hình | 2 | 20 | 20 | 80 | |
| 25 | PRR 02 | Luật xa gần | 2 | 20 | 20 | 80 | PRR 01 |
| 26 | DEC 01 | Màu sắc hình cơ bản và hình tự nhiên | 3 | 30 | 30 | 120 | |
| 27 | DRA 01 | Hình họa cấu trúc khối cơ bản | 2 | 5 | 35 | 80 | |
| 28 | DRA 02 | Hình họa cấu trúc vật thể khối | 2 | 5 | 35 | 80 | DRA 01 |
| 29 | DRA 03 | HH cấu trúc tượng chân dung & bán thân | 3 | 5 | 55 | 120 | DRA 02 |
| 30 | DRA 05 | Hình họa cấu trúc tượng toàn thân | 3 | 5 | 55 | 120 | DRA 03 |
| 31 | DRA 06 | Hình họa cấu trúc người toàn thân | 3 | 5 | 55 | 120 | DRA 05 |
| 32 | TEC 01 | Kỹ thuật Nhiếp ảnh | 2 | 10 | 30 | 80 | |
| 33 | PRC 01 | Thực tập Mỹ thuật cơ sở | 2 | 5 | 35 | 80 | |
| 2.2 | | <i>Kiến thức ngành</i> | 67 | 245 | 1130 | 2750 | |
| 2.2.1 | | <i>Kiến thức cơ sở của ngành</i> | 19 | 60 | 320 | 760 | |
| a) | | <i>Môn học bắt buộc</i> | 17 | 55 | 285 | 680 | |
| 34 | INF 02 | Tin học ứng dụng chuyên ngành thiết kế đồ họa. | 2 | 5 | 35 | 80 | INF 01 |
| 35 | GRA 01 | Phương pháp ghi chép và xử lý tư liệu | 3 | 10 | 50 | 120 | |
| 36 | PRR 03 | Nghệ thuật chữ | 3 | 10 | 50 | 120 | |
| 37 | MBI 01 | Bố cục và màu sắc thiết kế đồ họa | 3 | 10 | 50 | 120 | |
| 38 | FCG 01 | Yếu tố tạo hình và thủ pháp đồ họa | 3 | 10 | 50 | 120 | |
| 39 | GRA 02 | Phương pháp xử lý hình ảnh trong | 3 | 10 | 50 | 120 | GRA 01 |

| | | | | | | | |
|-----------|--------|--|------------|------------|-------------|-------------|--------|
| | | thiết kế đồ họa | | | | | |
| 40 | | <i>Môn tự chọn (chọn 1 trong 2)</i> | 2 | 5 | 35 | 80 | |
| | GRA 03 | Kỹ năng thuyết trình đồ án | 2 | 5 | 35 | 80 | GRA 02 |
| | GRA 04 | Marketing design | 2 | 5 | 35 | 80 | GRA 03 |
| 2.2.2 | | <i>Kiến thức chuyên sâu của ngành</i> | 48 | 185 | 810 | 1990 | |
| a) | | <i>Đồ họa ấn loát (trên mặt phẳng)</i> | 26 | 75 | 445 | 1040 | |
| 41 | GRA 05 | Cấu trúc, vật liệu bao bì | 2 | 5 | 35 | 80 | GRA 04 |
| 42 | GRA 06 | Thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm | 3 | 10 | 50 | 120 | GRA 05 |
| 43 | GRA 07 | Thiết kế Catalog | 3 | 10 | 50 | 120 | GRA 06 |
| 44 | GRA 08 | Thiết kế Logo | 3 | 10 | 50 | 120 | GRA 07 |
| 45 | GRA 17 | Thiết kế hệ thống nhận diện | 3 | 10 | 50 | 120 | GRA 11 |
| 46 | GRA 09 | Thiết kế áp phích | 3 | 10 | 50 | 120 | GRA 08 |
| 47 | GRA 10 | Thiết kế sách và minh họa sách | 4 | 15 | 65 | 160 | GRA 09 |
| 48 | GRA 11 | In, khắc truyền thống và hiện đại | 3 | 5 | 55 | 120 | GRA 10 |
| 49 | PRC 02 | Thực tập chuyên ngành | 2 | 0 | 40 | 80 | |
| b) | | <i>Đồ họa Multimedia</i> | 18 | 95 | 300 | 790 | |
| 50 | INF03 | Biên tập nội dung & xây dựng kịch bản quảng cáo | 2 | 10 | 35 | 90 | |
| 51 | INF04 | Kỹ thuật dựng hình & kỹ xảo bằng phương pháp 2D | 3 | 20 | 50 | 140 | INF03 |
| 52 | INF05 | Kỹ thuật dựng hình bằng phương pháp 3D | 3 | 20 | 50 | 140 | INF04 |
| 53 | INF06 | Kỹ xảo chuyển động bằng phương pháp 3D | 3 | 20 | 50 | 140 | INF05 |
| 54 | GRA 13 | Thiết kế videoclip quảng cáo sản phẩm, giới thiệu QC sách animation 2D | 3 | 10 | 50 | 120 | |
| 55 | GRA 14 | Thiết kế videoclip quảng cáo hình hiệu, sản phẩm animation 3D | 4 | 15 | 65 | 160 | GRA 13 |
| c) | | <i>Đồ họa quảng cáo theo bộ chuyên đề</i> | 4 | 15 | 65 | 160 | |
| 56 | GRA 15 | Thiết kế ĐA tổng hợp theo chuyên đề | 4 | 15 | 65 | 160 | GRA 14 |
| 3. | | Thực tập và Đồ án tốt nghiệp | 15 | 0 | 300 | 600 | |
| 57 | PRC 03 | Thực tập tốt nghiệp | 5 | 0 | 100 | 200 | GRA 15 |
| 58 | GRA 16 | Đồ án tốt nghiệp | 10 | 0 | 200 | 400 | PRC 03 |
| | | Tổng cộng | 162 | 810 | 2200 | 6020 | |

7.2. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

| STT | MÔN HỌC | SỐ TC |
|-----------------|-------------------------------------|-----------|
| HỌC KỲ 1 | | 20 |
| 1 | Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.1 | 3 |
| 2 | Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.2 | 3 |
| 3 | Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.3 | 3 |
| 4 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh | 8 |
| 5 | Pháp luật đại cương | 2 |
| 6 | Tin học chuyên ngành | 3 |
| 7 | Lịch sử Kiến trúc, Mỹ thuật và MTUD | 2 |
| 8 | Mỹ học đại cương | 2 |
| 9 | Giải phẫu tạo hình | 2 |

| STT | MÔN HỌC | SỐ TC |
|-----------------|-----------------------------------|-----------|
| HỌC KỲ 3 | | 26 |
| 1 | Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.1 | 3 |
| 2 | Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.2 | 3 |
| 3 | Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.3 | 3 |
| 4 | Hình họa cấu trúc người toàn thân | 3 |
| 5 | Hình họa cấu trúc tượng toàn thân | 3 |
| 6 | Triết học Mác-Lênin | 3 |
| 7 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2 |
| 8 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 9 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 10 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 2 |

| STT | MÔN HỌC | SỐ TC |
|-----------------|---------------------------------------|-----------|
| HỌC KỲ 5 | | 23 |
| 1 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 2.1 | 3 |
| 2 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 2.2 | 3 |
| 3 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 2.3 | 3 |
| 4 | Yếu tố tạo hình và thủ pháp đồ họa | 3 |
| 5 | Phương pháp xử lý hình ảnh trong TKĐH | 3 |
| 6 | Cấu trúc, vật liệu bao bì | 2 |
| 7 | Thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm | 3 |
| 8 | Thiết kế Catalog | 3 |

| STT | MÔN HỌC | SỐ TC |
|-----------------|---|-----------|
| HỌC KỲ 2 | | 21 |
| 1 | Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.1 | 3 |
| 2 | Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.2 | 3 |
| 3 | Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.3 | 3 |
| 4 | Luật xa gần | 2 |
| 5 | Màu sắc hình cơ bản và hình tự nhiên | 3 |
| 6 | Hình họa cấu trúc khối cơ bản | 2 |
| 7 | Hình họa cấu trúc vật thể khối | 2 |
| 8 | Hình họa cấu trúc tượng chân dung và bán thân (chất liệu chì) | 3 |
| 9 | Giáo dục thể chất | 3 |

| STT | MÔN HỌC | SỐ TC |
|-----------------|---------------------------------------|-----------|
| HỌC KỲ 4 | | 24 |
| 1 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.1 | 3 |
| 2 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.2 | 3 |
| 3 | Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.3 | 3 |
| 4 | Kỹ thuật nhiếp ảnh | 2 |
| 5 | Thực tập mỹ thuật cơ sở | 2 |
| 6 | Tin học ứng dụng chuyên ngành TKĐH | 2 |
| 7 | Phương pháp ghi chép và xử lý tư liệu | 3 |
| 8 | Nghệ thuật chữ | 3 |
| 9 | Bố cục và màu sắc thiết kế đồ họa | 3 |

| STT | MÔN HỌC | SỐ TC |
|-----------------|---|-----------|
| HỌC KỲ 6 | | 23 |
| 1 | Thiết kế Logo | 3 |
| 2 | Thiết kế hệ thống nhận diện | 3 |
| 3 | Thiết kế áp phích | 3 |
| 4 | Thiết kế sách và minh họa sách | 4 |
| 5 | In, khắc truyền thống và hiện đại | 3 |
| 6 | Thực tập chuyên ngành | 2 |
| 7 | Biên tập nội dung và xây dựng kịch bản quảng cáo (Filmmaking) | 2 |
| 8 | Kỹ thuật dựng hình và kỹ xảo bằng phương pháp 2D (After Effect) | 3 |

| STT | MÔN HỌC | SỐ TC |
|-----------------|---|-----------|
| HỌC KỲ 7 | | 19 |
| 1 | Kỹ thuật dựng hình bằng phương pháp 3D (Cinema 4D) | 3 |
| 2 | Kỹ xảo chuyển động bằng phương pháp 3D (Cinema 4D) | 3 |
| 3 | Thiết kế video quảng cáo sản phẩm, giới thiệu quảng cáo sách animation 2D | 3 |
| 4 | Thiết kế videoclip quảng cáo hình hiệu, sản phẩm animation 3D | 4 |
| 5 | Thiết kế ĐA tổng hợp theo chuyên đề | 4 |
| 6 | Môn học tự chọn | 2 |

| STT | MÔN HỌC | SỐ TC |
|-----------------|---------------------|-----------|
| HỌC KỲ 8 | | 15 |
| 1 | Thực tập tốt nghiệp | 5 |
| 2 | Đồ án tốt nghiệp | 10 |

7. 3. Mô tả nội dung các học phần

7.3.1. Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lê nin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

7.3.2. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

7.3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

7.3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

7.3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

7.3.6. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.7. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.8. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.9. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.1 (3 tín chỉ)

7.3.10. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.2 (3 tín chỉ)

7.3.11. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.3 (3 tín chỉ)

7.3.12. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.13. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.14. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.15. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.16. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.17. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.18. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)

7.3.19. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ)

Ghi chú:

- Ngoại ngữ 1: Tổng 27 tín chỉ, Ngoại ngữ 2: Tổng 9 tín chỉ.

- Sinh viên có thể chọn tiếng Anh, tiếng Hàn hoặc tiếng Nhật, tiếng Trung là ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 để học.

- Đề cương chi tiết các học phần ngoại ngữ do các Bộ môn ngoại ngữ, Khoa Quốc tế thực hiện theo Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngoại ngữ của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

- Đề cương chi tiết học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc ĐH Quốc gia chịu trách nhiệm.

7.3.20. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

- Điều kiện tiên quyết: Đã thực hiện các đồ án K1 ÷ K8 và Q1 và Q2.

- Nội dung môn học: Những vấn đề chung về kiến thức pháp luật; luật Xây dựng, luật quy hoạch, luật nhà ở ... và các luật khác liên quan đến quản lý Kiến trúc - Xây dựng.

7.3.21. Lịch sử Mỹ thuật và Mỹ thuật ứng dụng (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung môn học:* Hiểu được các khái niệm Nguyên thủy, Cổ đại, Trung đại, Cận đại, Hiện đại và Đương đại trong mỹ thuật ngoài ra còn phân biệt được đặc trưng của mỹ thuật các thời kỳ... Đồng thời trang bị cho người học nắm được những kiến thức, lịch sử ra đời và phát triển của lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng của Thế giới và Việt nam. Học phần giúp sinh viên có kỹ năng nhận biết, phân tích những giá trị nghệ thuật, giá trị ứng dụng của những kiệt tác mỹ thuật và Mỹ thuật ứng dụng của Thế giới cũng như của Việt nam.

7.3.22. Mỹ học đại cương (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung môn học:* Khái niệm Mỹ học, các học thuyết mỹ học trong lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ của Mỹ học, giới thiệu các loại hình nghệ thuật và đặc trưng ngôn ngữ của mỹ học.

- Giúp cho người học nắm vững các khái niệm cơ bản về đời sống thẩm mỹ, cái đẹp trong đời sống cũng như trong nghệ thuật thông qua các nội dung: Các quy luật giáo dục thẩm mỹ. Từ đó định hướng sáng tác và hình thành quan điểm nghề nghiệp, phong cách sáng tác, bước đầu làm quen với công tác nghiên cứu lý luận của người học.

7.3.23. Tin học chuyên ngành (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Nội dung môn học:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức của tin học chuyên ngành(Các phần mềm phục vụ cho thiết kế đồ họa như Photoshop, Corel..)

7.3.24. Giải phẫu tạo hình (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Nội dung môn học:* Môn học nghiên cứu về cơ thể người (động vật), cấu trúc bộ xương, giải phẫu các cơ trong tư thế tĩnh và chuyển động.

Nhằm giúp cho người học hiểu sâu sắc về bản chất tạo hình cơ thể người và nhân trắc, có kiến thức cơ bản để chuẩn xác trong sáng tác các tư thế tạo hình.

7.3.25. Luật xa gần (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung môn học:* Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng hình phối cảnh như: biểu diễn không gian, điểm nhìn và góc nhìn, phối cảnh điểm tụ, quy luật của thị giác đối với vật thể xa gần trong không gian.

- Giúp người học diễn tả được ý đồ thiết kế hình khối 3 chiều trong các bản vẽ thiết kế mỹ thuật.

7.3.26. Màu sắc và hình cơ bản và hình tự nhiên (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung*: Trang bị cho người học những khái niệm, quy luật, nguyên lý cơ bản về hòa sắc từ sắc độ đen trắng đến các màu gốc. Trên cơ sở đó thể hiện vòng màu quang phổ, tháp màu tương đồng, tương sắc, màu nóng, lạnh, tương phản, tương đồng... Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học màu sắc: quan hệ giữa màu sắc và ánh sáng, những yếu tố đặc trưng và các mối quan hệ tương tác về màu sắc. Nguyên lý về hòa sắc, đồng thời luyện tập kỹ năng, thủ pháp thể hiện các chất liệu, màu sắc.

- Cung cấp cho người học nắm vững những nguyên tắc, nguyên lý cơ bản về bố cục. Trên cơ sở đó vận dụng những hình học cơ bản để xây dựng các dạng bố cục theo những hòa sắc khác nhau.

3.7.27. Hình họa cấu trúc khối cơ bản (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung môn học*: Đây là môn học cốt lõi cơ sở Mỹ thuật của ngành. Người học được trang bị những kiến thức căn bản và cấu trúc của khối, phương pháp tạo hình, xây dựng bố cục các hình khối cơ bản. Trên cơ sở đó diễn tả đậm nhạt bằng các giá trị khác nhau của các vật thể khối và không gian bằng chất liệu chì trên một mặt phẳng.

7.3.28. Hình họa cấu trúc vật thể khối (Tự nhiên & nhân tạo (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Hoàn thành học phần HH cấu trúc khối cơ bản

- *Nội dung môn học*: Cung cấp cho người học những kiến thức về cấu trúc hình thể đa dạng các dạng vật thể Khối trong tự nhiên và nhân tạo trong đời sống xã hội. Ngoài ra mỗi loại hình khối có đặc thù riêng về cấu trúc bề mặt, vật liệu và các sắc độ khác nhau. Trên cơ sở đó người học được học những kỹ năng diễn đạt cho phù hợp với những đặc điểm mỗi loại vật thể.

7.3.29. Hình họa cấu trúc tượng chân dung và bán thân chất liệu chì (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Hoàn thành học phần HH cấu trúc vật thể Khối

- *Nội dung môn học*: Trang bị cho người học những kiến thức về cấu trúc, đặc điểm và phương pháp xây dựng hình, khối chân dung của con người. Các mối quan hệ tương quan đậm nhạt, không gian, chất liệu và tình cảm trên các dạng chân dung tượng.

- Trang bị cho người học những cấu trúc, tỷ lệ hình thể bán thân của con người nam và nữ, người học được nghiên cứu giải phẫu học, biết đo và so sánh tỷ lệ giữa đầu người với các phần khác như ngực, vai, tay... được thể hiện bằng chất liệu chì hoặc bút sắt.

7.3.30. Hình họa cấu trúc tượng toàn thân (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Hoàn thành học phần Hình họa tượng bán thân

- *Nội dung môn học*: Trang bị cho người học những cấu trúc hình thể, tỷ lệ toàn thân của con người ở các tư thế hoạt động khác nhau của tượng trên một khuôn giấy có bố cục hợp lý. Người học biết đo, dọi, so sánh lắp ráp các khối bộ phận hình thể của con người liên kết với nhau cho hợp lý. Xây dựng diễn tả đặc điểm, tương quan đậm nhạt giữa hình, nền và không gian của một bức tượng toàn thân.

7.3.31. Hình họa cấu trúc người toàn thân màu nước/bột màu (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Hoàn thành học phần HH cấu trúc tượng toàn thân

- *Nội dung môn học*: Người học được trang bị những kiến thức đầy đủ về tỷ lệ trọng vẹn về cấu trúc và giải phẫu của một người mẫu thật ở các dáng khác nhau. Trên cơ sở đó xây dựng một bài hình họa toàn thân bằng các chất liệu màu nước hoặc bột màu. Đây là học phần tích hợp đầy đủ những kiến thức mà người học đã được trang bị để thể hiện những toàn bộ những yêu cầu và các mối quan hệ tương tác như: tỷ lệ, không gian, đậm nhạt, màu sắc, chất liệu, tính cách nhân vật của một người mẫu.

7.3.32. Kỹ thuật nhiếp ảnh (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung môn học*: Cung cấp kiến thức về kỹ thuật thiết bị chụp ảnh, kỹ thuật hình ảnh trên phim nhựa và kỹ thuật số. Kỹ năng về bố cục, xử lý ánh sáng, kỹ thuật phong nền. Cách chọn bố cục chụp ảnh chân dung, phong cảnh, sinh hoạt, động vật, tĩnh vật. Biết chọn và vận dụng những bức ảnh để chuyển thể vào trong các công việc thiết kế chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng.

7.3.33. Thực tập mỹ thuật cơ sở (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung môn học*: Thực tập ghi chép thực tế: Ký họa, thâm diễn tĩnh vật, phong cảnh sinh hoạt. Nghiên cứu kiến trúc, phong cảnh, địa hình cụ thể. Nghiên cứu, ghi chép một số trạng thái sinh hoạt, đời sống văn hóa xã hội.

7.3.34. Tin học ứng dụng chuyên ngành Thiết kế đồ họa (2 tín)

- *Điều kiện tiên quyết*: INF 01

- *Nội dung môn học*: Trang bị cho người học kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế thông dụng như CorelDraw, Photoshop, AutoCAD, 3DS Max Giúp người học biết sử dụng được các công cụ tin học để giải quyết những nhiệm vụ thiết kế các đồ án môn học thuộc chuyên ngành của mình.

7.3.35. Phương pháp ghi chép và xử lý tư liệu (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung môn học*: Giúp sinh viên nắm vững được phương pháp lựa chọn, kỹ năng ghi chép những vẻ đẹp, đặc điểm của thiên nhiên như hoa lá, động vật, côn trùng.... Từ đó khái quát hóa, cách điệu hóa bằng nét, mảng, chấm tờ ram, bằng sắc độ đen trắng.

7.3.36. Nghệ thuật chữ (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: TEC 03

- *Nội dung môn học*: Trang bị cho người học những lý thuyết cơ bản về lịch sử phát triển, khoa học về chữ, phân loại và các dạng biến thể của loại hình chữ, các loại mẫu chữ, kỹ thuật và kỹ năng thể hiện chữ, nghệ thuật bố cục và sáng tác mẫu chữ.

7.3.37. Bố cục và màu sắc thiết kế đồ họa (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Phương pháp ghi chép và xử lý tư liệu

- *Nội dung môn học*: Các dạng bố cục cơ bản và các nguyên tắc của bố cục: nóng – rục – mạnh, lạnh – tươi – mạnh, màu trầm - ấm – yếu, lạnh – yếu... sắc độ đậm nhạt, sáng tối của bố cục.

7.3.38. Yếu tố tạo hình và thủ pháp đồ họa (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Đã hoàn thành học phần: Bố cục và màu sắc đồ họa.

- *Nội dung môn học*: Các yếu tố tạo hình trong thiết kế đồ họa. Các thủ pháp diễn tả chất liệu bằng 4 kỹ thuật cơ bản (in thủy ấn, in paraffin, in trực tiếp, vò giấy với nước màu, phẩm nhuộm).

7.3.39. Phương pháp xử lý hình ảnh trong thiết kế đồ họa (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Hoàn nội dung tin học chuyên ngành và CS ngành.

- *Nội dung môn học*: Giúp sinh viên nắm vững được phương pháp lựa chọn những vẻ đẹp gốc về đặc điểm hình ảnh con người, đồ vật, sản phẩm, phong cảnh... Trên cơ sở đó sử dụng các hiệu ứng các phần mềm đồ họa và kỹ năng, kỹ xảo thủ pháp... chuyên hóa những hình ảnh đó sang ngôn ngữ của đồ họa phù hợp với nội dung, ý tưởng các sản phẩm thiết kế đồ họa.

7.3.40. Các môn tự chọn (chọn 1 trong 2)

*** Kỹ năng thuyết trình đồ án (2 tín chỉ)**

- *Điều kiện tiên quyết*: không

- *Nội dung môn học*: Vai trò của thuyết trình trong thiết kế; Phương pháp thuyết trình gây ấn tượng về truyền thông; Kỹ năng xây dựng nội dung thuyết trình logic.

*** Marketing design (2 tín chỉ)**

- *Điều kiện tiên quyết*: không

- *Nội dung môn học*: Khái niệm về Marketing và mối quan hệ giữa marketing với design trong nền kinh tế thị trường.

7.3.41. Cấu trúc vật liệu bao bì (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Đã hoàn thành các học phần MT cơ sở

- *Nội dung môn học*: Giới thiệu sơ lược lịch sử, chức năng, phân loại nhãn mác, bao bì sản phẩm; Khái quát chất liệu, cấu trúc bao bì sản phẩm; Những nguyên lý chung thiết kế cấu trúc, tính chất lý hóa của từng loại vật liệu; lựa chọn vật liệu phù hợp với từng chủng loại hàng hóa.

7.3.42. Thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Đã hoàn thành các học phần MT cơ sở và CS ngành.

- *Nội dung môn học*: Trang bị cho người học những kiến thức sơ lược về lịch sử, chức năng, khái niệm, phân loại nhãn mác, bao bì sản phẩm; những nguyên lý chung bố cục màu sắc hình ảnh, chức; các giải pháp thiết kế nhãn mác bao bì sản phẩm phù hợp với từng chủng loại

sản phẩm và đối tượng khách hàng; tính đồng bộ trong thiết kế nhãn mác bao bì trong hệ thống nhận diện thương hiệu; kỹ năng thiết kế các dạng và các loại bao bì và nhãn mác sản phẩm.

7.3.43. Thiết kế catalog (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành môn học Cấu trúc vật liệu và thiết kế nhãn mác bao bì sản phẩm

- *Nội dung môn học:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức về vai trò, chức năng của catalog; sự khác nhau giữa catalog, profile, brochure; những nguyên lý chung thiết kế kiểu dáng, bố cục màu sắc hình ảnh, chữ...; tính độc lập của từng mặt, tính liên hoàn giữa các mặt.

7.3.44. Thiết kế Logo (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành các môn học MT cơ sở và cơ sở ngành

- *Nội dung môn học:* Trang bị cho người học kiến thức sơ lược về lịch sử, khái niệm về tín hiệu, Logo; vai trò, chức năng của logo; phân dạng thiết kế logo; vị trí logo trong hệ thống nhận dạng thương hiệu; những nguyên tắc, quy luật, cấu trúc, thẩm mỹ, phương pháp, kỹ năng thiết kế các dạng Logo trong các lĩnh vực đời sống xã hội: bố cục màu sắc hình tượng, chữ...

7.3.45. Thiết kế hệ thống nhận diện

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành các học phần về MT cơ sở và CS ngành

- *Nội dung môn học:* Trang bị cho người học khái niệm về Hệ thống nhận diện thương hiệu nói chung và của từng lĩnh vực khác nhau; những nguyên tắc, quy luật, cấu trúc và mối quan hệ về nội dung và thẩm mỹ trong hệ thống nhận diện thương hiệu; hệ thống nhận diện đồ họa văn phòng; hệ thống nhận diện trang phục công sở; hệ thống nhận diện không gian kiến trúc nội, ngoại thất công sở; hệ thống nhận diện trên phương tiện giao thông.

7.3.46. Thiết kế áp phích (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Đã hoàn thành học phần cấu trúc, vật liệu và thiết kế nhãn mác bao bì sản phẩm; Thiết kế logo.

- *Nội dung môn học:* Trang bị cho người học những kiến thức sơ lược về lịch sử áp phích; vai trò, chức năng, phạm vi sử dụng áp phích; ngôn ngữ và các hình thức chính của áp phích; các giải pháp thẩm mỹ sáng tác thiết kế áp phích quảng cáo thương mại, chính trị, văn hóa – xã hội đơn hoặc đa chi tiết; những nguyên tắc, quy luật, cấu trúc và phương pháp thiết kế, kỹ năng xây dựng, tạo hình áp phích chính trị và xã hội.

7.3.47. Thiết kế sách và minh họa sách (4 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành các học phần về MT cơ sở và CS ngành

- *Nội dung môn học:* Cung cấp cho người học các kiến thức sơ lược về lịch sử sách và minh họa; chức năng, vai trò các thể loại sách; các hình thức thể hiện minh họa sách; phương pháp thiết kế sách và minh họa: bìa, trang chuẩn, minh họa..

7.3.48. In khắc truyền thống và hiện đại (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Đã hoàn thành các học phần MT cơ sở

- *Nội dung môn học*: Trang bị cho người học kiến thức sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển những loại hình kỹ thuật in khắc thủ công cơ bản; giới thiệu về những thể loại tranh khắc gỗ truyền thống; đặc điểm và ngôn ngữ tạo hình của tranh khắc gỗ; các nguyên tắc, quy luật, cấu trúc và phương pháp tạo hình bố cục và các kỹ thuật cơ bản về in khắc gỗ màu, đen trắng.

7.3.49. Thực tập chuyên ngành (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Hoàn thành các học phần MT cơ sở và CS ngành

- *Nội dung môn học*: Trang bị cho người học tiếp cận với những thực tế tại các cơ sở thiết kế, sản xuất, doanh nghiệp... về lĩnh vực Đồ họa ứng dụng. Trên cơ sở đó biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp.

7.3.50. Biên tập nội dung và xây dựng kịch bản quảng cáo (filmmaking...) (2 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Đã hoàn thành các học phần cơ sở ngành và chuyên sâu ngành

- *Nội dung môn học*: Trang bị cho người học kiến thức sơ lược về công đoạn để tạo nên một bộ phim, từ giai đoạn xây dựng ý tưởng, cốt truyện cho đến giai đoạn để tạo nên một bộ phim, từ giai đoạn xây dựng ý tưởng, cốt truyện cho đến giai đoạn thực hiện ý. Sinh viên được học về viết kịch bản, biên tập âm thanh, quay phim, biên tập phim và làm phong phú thêm nội dung bằng cách sử dụng kỹ xảo hậu kỳ. Bên cạnh đó, môn học cũng củng cố thêm cho sinh viên kỹ năng nhiếp ảnh, bố cục hình.

- Sinh viên nắm bắt được các yếu tố kỹ thuật cũng như hiểu rõ được tầm quan trọng của kịch bản. Từ đó, sinh viên có thể thực hiện một đoạn phim ngắn mang thông điệp, ý nghĩa riêng. Trọn vẹn các yếu tố: nội dung, hình ảnh, âm thanh...

7.3.51. Kỹ thuật dựng hình và kỹ xảo bằng phương pháp 2D (After Effect) (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Đã hoàn thành môn học Biên tập nội dung & xây dựng kịch bản quảng cáo.

- *Nội dung môn học*: Cung cấp cho người học khái niệm cơ bản After Effect là gì? Ngoài ra, người học được trang bị kỹ thuật xử lý hiệu ứng, kỹ xảo phim ảnh, Kỹ xảo làm chuyển động, phim hoạt hình, intro... và biết cách phối hợp màu, chữ, âm thanh, ánh sáng...

7.3.52. Kỹ thuật dựng hình bằng phương pháp 3D (Cinema 4D) (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Đã hoàn thành môn học: Kỹ thuật dựng hình & kỹ xảo bằng phương pháp 2D

- *Nội dung môn học*: Môn học giới thiệu cho sinh viên phần mềm Cinema 4D; cung cấp kỹ thuật xây dựng đối tượng 3D Animation tạo ra hình ảnh tĩnh hoặc animations.

7.3.53. Kỹ xảo chuyển động bằng phương pháp 3D (Cinema 4D) (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Đã hoàn thành môn học Kỹ thuật dựng hình & kỹ xảo bằng phương pháp 2D

- *Nội dung môn học*: Môn học cung cấp cho sinh viên kỹ xảo chuyển động 3D; cách thức phối hợp màu, chữ, âm thanh, ánh sáng,... trong thiết kế videoclip quảng cáo.

7.3.54. Thiết kế video quảng cáo sản phẩm, giới thiệu quảng cáo sách animation 2D (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Đã hoàn thành môn học: Kỹ thuật dựng hình & kỹ xảo bằng phương pháp 2D

- *Nội dung môn học:* Môn học giúp sinh viên biết cách vận dụng các kỹ năng đã học ở phần mềm After Effect và Filmmaking để lên ý tưởng và thực hiện một đoạn video quảng cáo sản phẩm hay thuyết minh sách, truyện. Sinh viên hiểu rõ cách thức làm hài hòa về mặt nội dung ý tưởng, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chữ, hình ảnh, màu sắc cùng với những kỹ xảo để tạo nên một video sống động, ấn tượng, đẹp mắt và có nội dung.

7.3.55. Thiết kế videoclip quảng cáo hình hiệu, sản phẩm animation 3D (4 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Đã hoàn thành môn học Kỹ thuật dựng hình & kỹ xảo bằng phương pháp 3D

- *Nội dung môn học:* Cung cấp kiến thức cho sinh viên về các công đoạn làm phim hoạt hình 3D kết hợp sử dụng các kỹ năng đã học ở phần mềm Cinema 4D, After Effect, Filmmaking và vẽ tay phác thảo. Sinh viên có khả năng lên ý tưởng và thực hiện một đoạn video phim hoạt hình 3D hoặc một đoạn hình hiệu 3D.

7.3.56. Thiết kế ĐA tổng hợp theo chuyên đề (4 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Đã hoàn thành các môn cơ sở ngành và chuyên ngành sâu.

- *Nội dung môn học:* Môn học yêu cầu sinh viên phải hoàn thiện công việc thiết kế một đề án tổng hợp thuộc lĩnh vực thương mại hoặc văn hóa có tính đồng bộ như: Thiết kế, quảng cáo sản phẩm hoặc dịch vụ; Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu; Thiết kế minh họa sách; Thiết kế bộ áp phích.

7.3.57. Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:* Đã hoàn thành các môn cơ sở ngành và chuyên ngành sâu.

- *Nội dung môn học:*

- Củng cố và vận dụng những kiến thức đã học về cơ bản và chuyên ngành vào nhiệm vụ cụ thể được giao trong thời gian thực tập.

- Tìm hiểu thực tế và tham gia thiết kế những sản phẩm và công trình mỹ thuật công nghiệp, những đề tài nghiên cứu trong chuyên ngành.

- Thu thập đề tài, tài liệu chuẩn bị cho đề án tốt nghiệp.

- Làm quen với công tác quản lý và thực hiện kỷ luật lao động của người cán bộ sáng tác nghệ thuật.

7.3.58. Đồ án tốt nghiệp (10 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết:*

+ Năm cuối khóa không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Có điểm trung bình chung học tập theo quy chế Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT

ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2021 và các quy định hiện hành của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

+ Không còn nợ bất kỳ môn học hoặc học phần nào nào tính đến thời điểm giao đề thi tốt nghiệp.

- *Nội dung môn học*: Đồ án cần thể hiện hết được kiến thức tổng hợp trong quá trình học tập và tĩnh lũy của người học. Bước đầu thể hiện khả năng sáng tác, nghiên cứu sáng tạo và thiết kế về sản phẩm Đồ họa có qui mô vừa và lớn, đòi hỏi về kỹ thuật, kỹ năng và chuyên sâu về mỹ thuật ứng dụng. Là đồ án lớn cuối cùng trong chương trình đào tạo, học tập. Trên cơ sở đó để xác định về mặt pháp lý, trên cơ sở đó đánh giá kết quả đào tạo trong toàn bộ khóa học của một cử nhân tương lai về MTUD.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình được thực hiện theo mô hình đào tạo theo năng lực, gắn đào tạo lý thuyết với tham quan thực tế thông qua mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp.

- Sinh viên được hướng dẫn chọn các chủ đề làm bài tập, bài tiểu luận sát với thực tế để thông qua đó có hiểu biết sâu sắc hơn về kiến thức môn học và tăng khả năng áp dụng vào công việc sau khi tốt nghiệp.

- Chương trình được ban hành và áp dụng từ K21.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Tiến Luận